

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 17/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Dũng

2. Ông Chu Hồng Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 19/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 03/02/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn P**; Sinh ngày: 23/6/1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

Tên gọi khác: Nguyễn Trung P

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không nghề.

Con ông: Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1960; Con bà: Nguyễn Thị S, Sinh năm 1962.

Cùng trú tại: xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Gia đình có 02 chị em bị cáo, là con thứ hai. Vợ; con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 ngày 28/2/2012 của Công an xã P, huyện Đ, xử phạt Nguyễn Văn P hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 02 ngày 21/02/2013 của TAND huyện Đại Từ xử phạt Nguyễn Văn P 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt ngày 10/9/2013 đã xóa án tích;

- Tại Bản án số 09 ngày 09/2/2015 của TAND huyện Đại Từ xử phạt Nguyễn Văn P 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt ngày 23/11/2015; đã xóa án tích;

- Tại Bản án số 45 ngày 30/8/2017 của TAND huyện Đại Từ xử phạt Nguyễn Văn P 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; chấp hành xong hình phạt ngày 28/9/2019; đã xóa án tích;

- Ngày 14/11/2022 Nguyễn Văn P bị Cơ quan CSĐT Công an huyện P khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 18/8/2022 tại xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện vụ án đang được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Lý Minh C**; Sinh ngày: 28/01/1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tên gọi khác: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng

Con ông: Lý Văn Q, Sinh năm: 1965; Con bà: Trương Thị M, Sinh năm 1966;

Cùng trú tại: Xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Vợ: Hoàng Mùi V, Sinh năm: 2001, trú tại xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Có: 01 con, sinh năm: 2021;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 12/2008/HSST ngày 13/3/2008 của TAND huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Lý Minh C 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 41/2008/HSST ngày 25/4/2008 của TAND huyện Sơn Dương xử phạt Lý Minh C 36 tháng tù về tội cướp giật tài sản; Bản án số 95/2008/HSST ngày 18/8/2008 của TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt Lý Minh C 05 năm tù về tội cướp tài sản và 03 năm tù về tội cướp giật tài sản; tổng hợp hình phạt của 03 Bản án buộc C phải chấp hành hình phạt chung cho các bản án là 11 năm 09 tháng tù; đã chấp hành xong hình phạt ngày 12/6/2019 (bản án đã xóa án tích).

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa)

***. Bị hại:**

1. Anh: Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông: Đặng Văn C1, sinh năm: 1963 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị: Hoàng Thị T2, sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh: Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm R, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

2. Chị: Hoàng Mùi V, sinh năm: 2001 (Có mặt)

Trú tại: Xóm K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

3. Bà: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***. Người làm chứng:**

1. Anh: Hà Văn D, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm B, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh: Nguyễn Văn T4, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh: Lê Văn T5, sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh: Nguyễn Tiến D1, sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, Tp. T, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh: Nguyễn Mạnh C2, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 6B, tổ 7, phường Q, Tp. T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa tháng 8/2022, Nguyễn Văn P không có việc làm, không tiền trả nợ nên nảy sinh ý định trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ các khoản vay. Trong khoảng thời gian tháng 9/2022 P đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và 02 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố T, tỉnh Thái Nguyên cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: P và ông Đặng Văn C1 (sinh năm 1963 là người cùng xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) nhà P cách nhà ông C1 khoảng 300m. P thấy nhà ông C1 có chăn nuôi 06 con trâu, cả trâu cái và trâu nghé, chuồng trâu nhà ông C1 được thiết kế phía sau gần nhà và gần suối, nên P đã nảy sinh ý định trộm cắp trâu của ông C1. Vào ngày 20/9/2022, P lên mạng xã hội Facebook, dùng tài khoản “P N” tìm kiếm “hội mua bán chăn nuôi trâu bò thái nguyên bắc giang hòa bình” thì thấy người có tên là “V T” đăng trên nhóm nội dung cần mua bán trâu và ghi số điện thoại là 0986.914.651, P lưu số điện thoại này của anh T3 vào máy điện thoại là “C B”. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày P dùng sim “rác” (không nhớ số thuê bao) gọi vào số thuê bao trên của anh T3, giới thiệu tên là P nhà ở huyện Đ, Thái Nguyên và có 01 con trâu muốn bán, anh T3 bảo P mang trâu đến nhà anh T3 tại khu R, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ để anh T3 xem, được giá

thì anh T3 mua. Chiều ngày 23/9/2022 P gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1968, trú tại xóm L, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) có xe ô tô tải chở hàng thuê, P nói dối ông T4 là P có 01 con trâu nên thuê ông T4 01 giờ ngày 24/9/2022 lên xóm L, xã P, huyện Đ chở trâu mang sang tỉnh Phú Thọ để bán, ông T4 đồng ý. Sau đó P tiếp tục gọi điện thoại cho anh T3 và thông báo rạng sáng ngày mai sẽ mang trâu sang bán, anh T3 đồng ý và gửi định vị vị trí nơi ở của anh T3 qua phần mềm Zalo cho P. Sau khi thuê được xe tải và trao đổi với anh T3, khoảng 00 giờ 10 phút ngày 24/9/2022, P đi bộ sang nhà ông C1, thấy nhà ông C1 đã đi ngủ hết nên P đi xuống chuồng trâu của nhà ông C1. P quan sát thấy trong chuồng trâu lúc này có khoảng 06 con trâu, trong đó có 01 con trâu cái đang chữa, có dây chạc quần từ sọc lên sừng, P quyết định trộm cắp con trâu cái này, rồi dùng tay tháo cửa chuồng trâu được làm bằng gỗ, mở cửa chuồng ra, cởi dây chạc trên sừng con trâu cái và dắt con trâu này ra khỏi cửa chuồng, sau đó đóng cửa chuồng trâu lại như ban đầu. P cầm chạc dắt con trâu đi ra rìa nhà văn hóa xóm L, xã P và buộc trâu vào cây sào cạnh đó, rồi gọi điện thoại cho ông T4, bảo ông T4 điều khiển xe tải đi đến sân nhà văn hóa. Khoảng hơn 01 giờ cùng ngày ông T4 điều khiển xe tải, loại xe 2,5 tấn BKS: 19C - 074.03 đến nơi, cùng đi với ông T4 có anh Lê Văn T5 (con rể ông T4), ông T4 bảo anh T5 đi cùng để thay nhau lái xe cho đỡ mệt. P hướng dẫn cho ông T4 điều khiển xe lùi vào bãi đất trống có mô đất cao, rồi P cởi chạc dắt trâu lên thùng xe tải. Sau khi cho được trâu lên thùng xe, ông T4 điều khiển xe cùng P và anh T5 đi đến tỉnh Phú Thọ. Khoảng 07 giờ cùng ngày thì cả 3 người đến nơi. P xuống xe gặp anh T3, mở nắp thùng xe tải cho anh T3 xem con trâu. Qua trao đổi anh T3 và P thống nhất giá mua bán con trâu là 21.500.000 đồng. Anh T3 không có tiền mặt nên đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng từ số tài khoản 1018780495 ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản là anh T3 đến tài khoản của P, số tài khoản 107875257642, ngân hàng Viettinbank, còn lại số tiền 1.500.000 đồng, anh T3 đưa tiền mặt cho P. Sau khi P và anh T3 thanh toán tiền xong, ông T4 điều khiển xe ô tô chở P và anh T5 đi về. Khi đi đến huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, P bảo ông T4 dừng xe tại một cây ATM, P rút 6.000.000 đồng từ cây ATM rồi trả 2.500.000 (là tiền P thuê xe) cho ông T4. P tiếp tục đi cùng xe với ông T4 đến hết địa phận huyện Đ thì xuống xe rồi đi xe khách về thành phố Hà Nội. Số tiền có được do bán trâu, P đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua được trâu của P, anh T3 đã bán lại con trâu cho anh Nguyễn Đức T6 (sinh năm 1990, trú tại Khu H, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ) với giá 26.100.000 đồng. Tiếp đó anh T6 đã bán lại con trâu cho anh Nguyễn Đức N (sinh năm 1977, trú tại xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ) với giá 32.000.000 đồng. Sau đó anh N đã bán con trâu trên cho ông Phùng Trung N1 (sinh năm 1969, trú tại 14 ngách 218/44 L, B, T, thành phố Hà Nội) với giá 36.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ông N1 đã giao nộp lại con trâu cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ.

Khoảng 06 giờ sáng ngày 24/9/2022 ông C1 đi kiểm tra chuồng trâu thì phát hiện con trâu cái, màu đen, đang chữa khoảng 06-07 tháng đã bị mất trộm. Ông C1

đã làm đơn trình báo đến Công an xã P, huyện Đ đề nghị giải quyết vụ việc. Xác định vụ việc có dấu hiệu của tội phạm, Công an xã P đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận, tháng 9/2022: 01 con trâu cái khoảng 07 tuổi, nặng 595,35kg, lông màu đen, đang có chữa 06-07 tháng có giá trị là **71.442.000 đồng**.

Vụ thứ 2: Do đã có ý định trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Văn T1, (sinh năm 1994, trú tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là hàng xóm cạnh nhà P, nên chiều ngày 25/9/2022 P đi đến nhà Lý Minh C để hỏi xem C có nhu cầu mua xe mô tô không, nếu C đồng ý P sẽ trộm cắp chiếc xe đó. Khi đến nhà C, P nói *“thằng bạn em nháy được chiếc xe trên Lạng Sơn, xe đang về, sáng mai đến nơi, anh mua không? rẻ lắm”*, C hiểu ý P là xe đã trộm cắp được nên hỏi lại *“có phải nháy trên Lạng Sơn không? Bao nhiêu tiền?”*. P nói với C là trộm cắp trên Lạng Sơn, giá khoảng 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Do nghĩ là xe mô tô bạn của P đã trộm cắp được nên C nói P mang xe đến để C xem, nếu được C sẽ đồng ý mua.

Khoảng 20 giờ ngày 25/9/2022, P về nhà thì thấy nhà anh T1 bật điện sáng. Do biết anh T1 ở nhà một mình nên P đã nảy sinh ý định rạng sáng ngày 26/9/2022 sẽ đột nhập vào nhà anh T1 để trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, BKS 20F1-580.14 của anh T1. Khoảng 03 giờ ngày 26/9/2022 P cầm theo 01 chiếc kéo, loại kéo cắt giấy, lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, mục đích để mở chốt cửa ngách nhà anh T1 rồi đột nhập vào trong nhà trộm cắp xe mô tô. Khi đến nhà anh T1, P thấy anh T1 đã ngủ say, cửa chính đã khóa phía trong, nên vòng ra cửa ngách bên trái nhà anh T1. Thấy cửa ngách cũng đã chốt phía trong, P dùng đầu lưỡi kim loại của chiếc kéo mang theo, khoét lớp bê tông ngoài tường, gần chốt khóa trong, tạo thành lỗ hổng rồi dùng lưỡi kéo gạt chốt khóa sang bên phải thì mở được cửa. P đi vào trong nhà anh T1, tìm xung quanh thì thấy chìa khóa xe mô tô anh T1 để ở trên đầu giường, P cầm chìa khóa xe đi ra phòng khách, mở khóa cổ xe, rồi mở cửa chính dắt xe ra ngoài sân. Sau đó P đi vào trong nhà, khóa cửa chính như ban đầu và đi vòng ra cửa ngách ra sân, dắt xe mô tô của anh T1 ra đường nhựa đối diện Đình làng ngay gần đó, rồi dùng thẻ từ khóa chống trộm có sẵn ở chìa khóa xe quẹt mở khóa chống trộm của xe mô tô rồi nổ máy xe, điều khiển xe đi tìm chỗ tiêu thụ. Trên đường đi P lấy chiếc cờ lê có sẵn trong cốp xe rồi tháo chiếc BKS: 20F1 – 580.14 ra khỏi xe, ném xuống khu vực suối gần chân cầu vượt Núi Pháo. Khoảng 07 giờ cùng ngày P điều khiển xe mô tô trộm được của anh T1 đi đến nhà Lý Minh C để bán xe mô tô cho C. C xem xe thì thấy nilon dán ở đuôi xe là Honda Đại Từ nên hỏi lại P *“tại sao lại là xe Đại Từ?”* thì P trả lời *“anh yên tâm, xe này trộm được trên Lạng Sơn”*. Sau đó C và P thống nhất giá mua, bán xe là 11.000.000 đồng (tuy nhiên nội dung trong giấy bán xe sẽ thể hiện là 17.000.000 đồng). C lấy điện thoại vào ứng dụng Smartbanking của ngân hàng Techcombank (tài khoản

ngân hàng mang tên chị Hoàng Mùi V, vợ của C) chuyển cho P số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của P, số tài khoản 107875257642, ngân hàng Viettinbank và đưa cho P 1.000.000 đồng tiền mặt. P nhận tiền rồi đưa lại cho C 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị S (là mẹ ruột của P). P nói với C chiếc xe P bán cho C có cùng đời với xe mô tô trong đăng ký mang tên bà S, là xe mẹ P mua cho P nhưng xe của P đã bị mất, nên C cầm đăng ký xe này dùng để đi lại. Sau khi có được 11.000.000 đồng nêu trên, P đã sử dụng để tiêu xài cá nhân và trả nợ hết.

Đến ngày 29/9/2022, C nhận được 01 chiếc BKS xe mô tô: 20F1- 562.34, do chiếc xe C mua của P không có BKS nên C đã mang chiếc BKS này về mục đích lắp vào xe mô tô của P. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày C đã lấy máy mài đá, sắt ra để mài đi số khung số máy của xe, sau đó tự lấy chiếc BKS C nhận được, lắp vào chiếc xe nêu trên mục đích dùng để đi lại. Đến ngày 30/9/2022, do sợ bị phát hiện, C đã mang chiếc xe đến gửi nhờ anh Hà Văn D (sinh năm 1982, trú tại xóm B, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) và nói là xe của bạn nhờ gửi. Do biết chiếc xe là tài sản trộm cắp anh D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định số khung, số máy nguyên thủy chiếc xe do anh Hà Văn D giao nộp. Tại Bản kết luận số 1564/KL-KTHS ngày 07/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận số máy nguyên thủy là “KC34B1087699”, số khung nguyên thủy là “3717KY045408” trùng với số máy và số khung chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn T1 đã bị trộm cắp.

Vụ thứ 3: Sau khi trộm cắp được xe mô tô của anh T1 và bán xe cho Lý Minh C, khoảng 20 giờ ngày 29/9/2022 P về nhà thì thấy nhà anh T bật điện sáng, biết anh T1 chưa đi làm, P tiếp tục nảy sinh ý định sẽ đột nhập vào trong nhà anh T1 xem có tài sản gì có giá trị thì trộm cắp. Khoảng 04 giờ ngày 30/9/2022 P cầm theo chiếc kéo (đã dùng đột nhập vào nhà anh T1 vào ngày 26/9/2022) đi bộ sang nhà anh T1, tiếp tục đột nhập vào nhà anh T1 như lần trước. P quan sát thấy anh T1 ngủ trong buồng, đầu giường vị trí anh T1 ngủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, vỏ màu trắng đang cắm dây sạc. P rút sạc điện thoại ra và cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần bên phải rồi quay lại, ra cửa ngách đi về nhà. Trên đường về, P đã vứt chiếc kéo tại khu vực gần cổng trường Tiểu học xã P, huyện Đ. P cuốn chiếc điện thoại trộm cắp được vào túi nilon màu hồng, bên ngoài cuốn áo mưa màu trắng và đi lên khu vực bãi chè nhà “T X” cách nhà P khoảng 300m, cất giấu chiếc điện thoại lên 01 cây chè, đợi thời điểm mang đi tiêu thụ, nhưng P chưa kịp tiêu thụ thì đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ triệu tập đến Công an huyện Đại Từ làm việc. Căn cứ theo lời khai của P, ngày 01/10/2022, Cơ quan điều tra đã tìm thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax của anh T1.

Sau khi bị mất trộm xe mô tô vào ngày 26/9/2022 và điện thoại di động vào ngày 30/9/2022, anh T1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐGTS ngày 01/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận, tháng 9/2022: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu sơn đen – bạc – vàng – đồng, BKS 20F1-580.14, mua mới tháng 01/20220, tình trạng đã qua sử dụng là **26.000.000 đồng**; Giá trị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, bộ nhớ trong 256G, mua mới ngày 13/10/2021, tình trạng đã qua sử dụng là **18.000.000đ đồng**. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 44.000.000 đồng.

Vụ trộm thứ 4, thứ 5 và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Khoảng 13 giờ phút ngày 25/9/2022, P gặp chị Hoàng Thị T7 (sinh năm 1987, trú tại xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) trên xe khách đi từ Hà Nội về Thái Nguyên. P nói hoàn cảnh khó khăn không có tiền về nhà nên chị T7 cho P 200.000 đồng, P và chị T7 cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khoảng 10 giờ ngày 26/9/2022, P gọi điện thoại cho chị T7 hẹn gặp mặt ở thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để cảm ơn, chị T7 đồng ý. Trong thời gian đợi chị T7, P bị nhân viên các app cho vay tiền (ứng dụng vay tiền online) đòi nợ nhiều lần nhưng P không có tiền trả nợ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì chị T7 và P gặp nhau ở thành phố T rồi cùng nhau đi uống nước, ăn cơm tối. Trong lúc nói chuyện với chị T7, P thấy chị T7 dễ tính nên đã nghĩ ra cách giả vờ yêu chị T7 rồi tìm cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ chị T7 để lấy tiền trả nợ. Để thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, P đã nói thích chị T7 muốn được ở cùng nhau rồi rủ chị T7 đi nhà nghỉ thì chị T7 đồng ý. Đến 18 giờ cùng ngày hai người cùng đi đến nhà nghỉ T L có địa chỉ tại ngõ 882, đường D, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây P nói muốn cùng chị T7 đi chợ buôn bán hoa quả nhưng chưa có vốn ban đầu, muốn làm ăn được thì phải đi vay, đồng thời P biết chỗ vay tiền nên sẽ cùng chị T7 đi vay 20.000.000 đồng, chị T7 đồng ý. Thấy chị T7 đã tin tưởng, P tiếp tục nghĩ cách sau khi chị T7 vay được 20.000.000 đồng, sẽ lừa chị T7 để chiếm đoạt số tiền này. P đã lên mạng xã hội Facebook tìm người cho vay tiền thì tìm thấy một người tên C3, P liên hệ thì được giới thiệu sáng ngày 27/9/2022 đến quán Cafe Trung Nguyên gần cầu G, TP T, tỉnh Thái Nguyên gặp người tên là D2 để làm thủ tục vay tiền. Trong lúc ở cạnh chị T7, P thấy chị T7 đăng nhập vào ứng dụng Smartbanking với mật khẩu là “T” nên P tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong tài khoản ngân hàng của chị T7. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, P thấy chị T7 đã ngủ say nên lấy điện thoại của chị T7 đăng nhập vào ứng dụng Smartbanking rồi chuyển số tiền 4.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của chị T7 sang tài khoản ngân hàng của P, số tài khoản 107875257642, ngân hàng Viettinbank. Do lo sợ bị chị T7 phát hiện việc mình trộm tiền nên P đã xóa toàn bộ tin nhắn và các ứng dụng trên điện thoại của chị T7 và đồng thời chị T7 sẽ không dùng được tài khoản ngân hàng khi đi vay tiền, lợi dụng điều này P sẽ bảo người cho vay chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của P rồi chiếm đoạt số tiền đó.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/9/2022 chị T7 cùng P đi đến quán cafe Trung Nguyên nằm trong khách sạn S, tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên gặp anh Nguyễn Tiến D1 (sinh năm 1993, tạm trú tại xóm Đ, xã S, TP T,

tỉnh Thái Nguyên) là nhân viên môi giới vay tiền qua app điện thoại để làm thủ tục vay tiền. Do có ý định sẽ chiếm đoạt số tiền này nên P đã nói chị T7 đứng tên vay 20.000.000 đồng, và lợi dụng việc P đã xóa ứng dụng ngân hàng trên điện thoại của chị T7 làm chị T7 nghĩ điện thoại bị hỏng không dùng được ứng dụng Smartbanking nên P đã nói với chị T7 là chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của P, sau khi có tiền P sẽ rút tiền mặt đưa lại cho chị T7. Mục đích P lừa chị T7 là người đứng tên vay tiền vì khi P đã chiếm đoạt trót lọt số tiền thì chị T7 sẽ là người phải trả số tiền đó. Do tin tưởng P nên chị T7 đồng ý đứng tên vay tiền và chuyển tiền vào tài khoản của P.

Chị T7 và anh D1 thỏa thuận số tiền vay là 20.000.000 đồng, tuy nhiên sẽ phải trừ 4.000.000 đồng là tiền phí cho người môi giới là C3 và 250.000 đồng là phí làm thủ tục vay vốn, nên số tiền thực tế được nhận là 15.750.000 đồng, khi tất toán thì chị T7 phải trả 23.100.000 đồng gồm cả gốc và lãi. Sau khi chị T7 và D2 thỏa thuận xong, được sự đồng ý của chị T7, anh D2 đã chuyển số tiền 15.750.000 đồng vào tài khoản của P.

Có được số tiền vay, chị T7 và P quay lại nhà nghỉ, tại đây chị T7 xem lại thấy vay lãi mất chi phí cao, làm ăn không thực tế nên bảo P trả lại tiền đã vay. Do đã có mục đích chiếm đoạt số tiền này từ trước nên P tiếp tục lừa chị T7 bằng cách tự soạn 01 tin nhắn giả mạo tài khoản ngân hàng của mình đã bị trừ 23.100.000 đồng (số tiền chị T7 thỏa thuận với anh D2 phải trả khi tất toán hợp đồng) với nội dung đã trả tiền vay qua app, rồi đưa cho chị T7 xem. Chị T7 đã tin tưởng rằng P trả hết số tiền trên cho anh D2. Như vậy P đã chiếm đoạt được toàn bộ số tiền 15.750.000 đồng nêu trên.

Sáng ngày 28/9/2022, chị T7 đi đến ngân hàng Agribank thành phố T để sao kê giao dịch và kiểm tra tiền trong tài khoản do ứng dụng Smartbanking không sử dụng được. Lúc này chị T7 phát hiện đã có người sử dụng điện thoại của mình chuyển số tiền 4.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng khác vào ngày 26/9/2022. Chị T7 nói với P là muốn đi báo cơ quan công an để giải quyết thì P thừa nhận là P đã chuyển khoản và xin dừng trình báo để P trả lại số tiền đó, chị T7 đồng ý. Đến trưa ngày 28/9/2022, chị T7 và P đi đến nhà nghỉ S tại xóm 7, xã S, TP T, tỉnh Thái Nguyên nghỉ trưa. Lúc này em gái chị T7 là Hoàng Thị L (sinh năm 1992, trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) chuyển vào tài khoản ngân hàng của chị T7 số tiền 4.000.000 đồng. P thấy tin nhắn cộng tiền nên mượn điện thoại của chị T7 rồi lén lút đăng nhập vào ứng dụng Smartbanking chuyển số tiền 4.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của chị T7 sang tài khoản ngân hàng của P số tài khoản 107875257642, ngân hàng Viettinbank, rồi xóa toàn bộ tin nhắn chuyển tiền. Sau đó P và chị T7 đi xe bus về thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên rồi vào ăn cơm ở quán cơm T Đ gần Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ để ăn cơm. P ăn cơm xong trước rồi đứng dậy ra ngoài, bỏ trốn. Có được số tiền trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt của chị T7, P đã tiêu xài và trả nợ hết.

Chị T7 ăn cơm xong, không thấy P đâu nên đã đi đến cây ATM gần quán cơm để rút tiền thì phát hiện tiền 4.000.000 đồng trong tài khoản đã bị mất hết. Chị T7 xác định P là người đã lấy trộm số tiền này, sau đó chị T7 tiếp tục gọi cho anh D2 hỏi về khoản tiền vay thì mới biết P chưa thanh toán. Do là người đứng tên vay tiền và sợ lãi suất sẽ tăng lên nên chị T7 đã thanh toán số tiền 23.100.000 đồng cho anh D2. Ngày 18/10/2022, do biết P đang bị tạm giam tại Công an huyện Đại Từ chị T7 đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Đại Từ về hành vi trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng vào các ngày 26/9/2022, 28/9/2022 và lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15.750.000 đồng vào ngày 27/9/2022 của P.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn P, Lý Minh C đã thành khẩn khai nhận các hành vi phạm tội của mình. Lời khai của P và C phù hợp với nhau, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Lời khai của người làm chứng, Lời khai của bị hại; Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định; Kết luận định giá tài sản; Vật chứng thu giữ.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 con trâu cái khoảng 07 tuổi, nặng 595,35kg, lông màu đen, đang có chửa 06-07 tháng, đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Đặng Văn C1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu sơn đen – bạc – vàng – đồng, 01 BKS 20F1-580.14 và 01 chiếc điện thoại Iphone 12 ProMax đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T1.

- 01 chiếc kéo (loại kéo cắt giấy), lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa màu xanh, P sử dụng để đột nhập vào nhà anh Nguyễn Văn T1, ngày 30/9/2022 sau khi trộm cắp điện thoại của anh T1, P đã vứt chiếc kéo trên đường về nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu A (bên trong có 02 thẻ ngân hàng Viettinbank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng MB, tất cả đều mang tên Nguyễn Văn P); 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị S, địa chỉ xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Số: 04251; 01 chiếc BKS: 20F1-562.34; 01 phong bì niêm phong ký hiệu P1 (bên trong là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S, màu đen); 01 phong bì niêm phong ký hiệu C2 (bên trong là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, màu đen); 01 túi nilon màu hồng, 01 tấm áo mưa màu trắng; 01 máy mài cầm tay màu đỏ có dây điện màu vàng, phần đá mài đã bị vỡ. Hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Trách nhiệm dân sự trong vụ án:

- Lý Minh C đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 1.000.000 đồng, khắc phục thiệt hại do việc C mài số khung, số máy xe mô tô của anh T1. Anh T1 không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Anh Nguyễn Văn T3 đã trả lại cho anh Nguyễn Đức T6 26.100.000 đồng; anh T6 đã trả lại cho anh Nguyễn Đức N số tiền 32.000.000 đồng; anh N đã trả lại cho ông Phùng Trung N1 số tiền 36.000.000 đồng; nên anh T3 yêu cầu P bồi

thường số tiền 21.500.000 đồng là tiền anh T3 mua con trâu do P trộm cắp. Ông Đặng Văn C1 yêu cầu Nguyễn Văn P bồi thường 5.000.000 đồng là tiền ông C1 thuê người đi tìm trâu.

- Chị Hoàng Thị T7 yêu cầu P bồi thường tổng số tiền 23.750.000 đồng do P trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt của chị T7.

Hiện P chưa bồi thường được cho ai.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 17/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Minh C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên cáo trạng, đã luận tội đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với Nguyễn Văn P: Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 173 BLHS; khoản 1, khoản 5 Điều 174 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 Điều 55 BLHS, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn P: 04 năm đến 04 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, phạt bổ sung: 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, phạt bổ sung 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Tổng hợp hình phạt chính: Từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Đối với Lý Minh C: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt:

Bị cáo Lý Minh C 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo; Phạt bổ sung: 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Lý Minh C đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 1.000.000 đồng, khắc phục thiệt hại do việc C mài số khung, số máy xe mô tô của anh T1. Anh T1 không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không xem xét.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho anh Nguyễn Văn T3 số tiền là 21.500.000 đồng là tiền anh T3 đã mua con trâu do P trộm cắp; ông Đặng Văn C1 số tiền là 5.000.000 đồng là tiền ông C1 thuê người tìm trâu; chị Hoàng Thị T7 số tiền là 23.750.000 đồng là tiền P trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt của chị T7.

Về vật chứng:

- Trả lại cho Nguyễn Văn P: 02 thẻ ngân hàng Viettinbank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng MB, tất cả đều mang tên Nguyễn Văn P (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị S, địa chỉ: L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Số: 04251;

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S, màu đen được lắp 02 sim điện thoại trong máy (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu P1);

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu hồng; 01 tấm áo mưa màu trắng; 01 chiếc BKS: 20F1-562.34;

- Tịch thu xung quỹ: 01 máy mài cầm tay màu đỏ có dây điện màu vàng, phần đá mài đã bị vỡ (là công cụ phương tiện C sử dụng để mài số khung số máy chiếc xe mô tô C mua của P).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, màu đen (của Lý Minh C).

- Truy thu bị cáo P số tiền 11.000.000 đồng là tiền P bán xe mô tô do trộm cắp cho C nộp Ngân sách nhà nước.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo P và C không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo P và C nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; VKS nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2]. Về căn cứ buộc tội bị cáo P khai: Vào khoảng tháng 9/2022 do không có việc làm, không có thu nhập để sinh sống và trả nợ nên Nguyễn Văn P đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Đ và thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 24/9/2022 P đã trộm cắp 01 con trâu của gia đình ông Đặng Văn C1 tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giá trị 71.442.000 đồng.

Vụ thứ 2, thứ 3: Ngày 26/9/2022 P đã trộm cắp của anh Nguyễn Văn T1 tại xóm L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner trị giá 26.000.000 đồng. Ngày 30/9/2022 P tiếp tục trộm cắp của anh Nguyễn Văn T1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax trị giá 18.000.000 đồng.

Vụ thứ 4, thứ 5: Ngày 26/9/2022 tại phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, P đã trộm cắp số tiền 4.000.000 đồng của chị Hoàng Thị T7. Ngày

28/9/2022 tại xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, P tiếp tục trộm cắp số tiền 4.000.000 đồng của chị T7.

Như vậy, tổng tài sản 05 vụ trộm cắp do P thực hiện nêu trên có giá trị là: 123.442.000 đồng. Đồng thời ngày 27/9/2022, P tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 15.750.000 đồng của chị T7. Số tiền do P trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt được, P đã tiêu xài cá nhân và trả nợ hết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner Phong trộm cắp của anh T1 vào ngày 26/9/2022, cùng ngày P đã bán chiếc xe nêu trên cho Lý Minh C. Mặc dù biết rõ chiếc xe là tài sản do trộm cắp có được nhưng C vẫn đồng ý mua chiếc xe nêu trên của P và trả cho P số tiền 11.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Văn P là đối tượng không có việc làm, không có thu nhập để sinh sống và trả nợ, để có tiền mua sắm, trả nợ và phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022, lợi dụng gia đình và cá nhân những người bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, P đã thực hiện 05 vụ Trộm cắp tài sản và 01 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố T và huyện Đ đem bán lấy tiền mua sắm, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn P trộm cắp và lừa đảo được trên địa bàn thành phố T, huyện Đ là 139.192.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; bị cáo Lý Minh C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Nội dung các điều luật quy định như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 323. Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà...tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo P là rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là anh T1, ông C1, chị T7. Hành vi đó của bị cáo không những làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương mà còn gây bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm mới đảm bảo được tính răn đe của pháp luật và mang tính phòng ngừa chung.

Đối với hành vi của bị cáo Lý Minh C là ít nghiêm trọng. Mặc dù biết rõ chiếc xe là tài sản do trộm cắp có được nhưng do ham lợi và giá rẻ C vẫn đồng ý mua chiếc xe nêu trên của P và trả cho P số tiền 11.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại hàng ngày thể hiện tính coi thường pháp luật nên cần xử lý mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật và phòng ngừa chung. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, lại là lao động chính trong gia đình, bố mẹ đã hết tuổi lao động, hiện nay con bị cáo còn rất nhỏ (sinh năm 2021), vợ bị cáo lại đang mang thai sắp sinh nở lần thứ 2. Để xảy ra vụ án này cũng do một phần nhận thức của bị cáo do ham lợi và giá rẻ và để có phương tiện đi lại nên đã vi phạm pháp luật. Chính quyền địa phương và cơ sở xóm tại địa phương cũng đều xác nhận, đề nghị cơ quan tố tụng cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Xét toàn diện vụ án thấy có đủ căn cứ mở lượng khoan hồng của nhà nước cho bị cáo được cải tạo tại địa phương với sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lý Minh C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn P được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lý Minh C được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị hại là anh Nguyễn Văn T1 đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân của bị cáo P thấy: Bị cáo P chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân rất xấu đã bị Công an xã P xử phạt bằng hình thức cảnh cáo và đã nhiều lần bị các Tòa án xét xử bằng nhiều bản án và đang bị Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân, trở thành công dân có ích mà bị cáo cố ý lao vào con

đường phạm tội nhằm lấy tiền tiêu sai để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên cần xử lý nghiêm.

Xét nhân thân của bị cáo C thấy: Bị cáo C chưa có tiền án, tiền sự. Mặc dù bị cáo có nhân thân, tuy nhiên các bản án trước bị cáo C đã được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành quy định pháp luật tại địa phương.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử cần xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P: 04 năm đến 04 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, phạt bổ sung: 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bổ sung 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Tổng hợp hình phạt chính: từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian có như vậy mới đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Bị cáo C từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; phạt bổ sung: 5.000.000 đồng -10.000.000 đồng. Để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước như vậy cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời mang tính phòng ngừa chung như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Lý Minh C đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 1.000.000 đồng, khắc phục thiệt hại do việc C mài số khung, số máy xe mô tô của anh T1. Anh T1 không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho anh Nguyễn Văn T3 số tiền là 21.500.000 đồng là tiền anh T3 đã mua con trâu do P trộm cắp; ông Đặng Văn C1 số tiền là 5.000.000 đồng là tiền ông C1 thuê người tìm trâu; chị Hoàng Thị T7 số tiền là 23.750.000 đồng là tiền P trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt của chị T7.

[7]. Về vật chứng:

- Trả lại cho Nguyễn Văn P: 02 thẻ ngân hàng Viettinbank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng MB, tất cả đều mang tên Nguyễn Văn P (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị S, địa chỉ: L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Số: 04251; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S, màu đen được lắp 02 sim điện thoại trong máy (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu P1);

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu hồng; 01 tấm áo mưa màu trắng; 01 chiếc BKS: 20F1-562.34;

- Tịch thu xung quỹ: 01 máy mài cầm tay màu đỏ có dây điện màu vàng, phần đá mài đã bị vỡ (là công cụ phương tiện C sử dụng để mài số khung số máy chiếc xe mô tô C mua của P).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, màu đen (của Lý Minh C).

- Truy thu bị cáo P số tiền 11.000.000 đồng là tiền P bán xe mô tô do trộm cắp cho C nộp Ngân sách nhà nước.

[8]. Liên quan trong vụ án trộm cắp ngày 24/9/2022 còn có ông Nguyễn Văn T5 và anh Lê Văn T6 là người được P thuê chở trâu mang đi bán; Anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Đức T8, ông Phùng Trung N là những người mua bán con trâu của ông Đặng Văn C1. Tuy nhiên những người này không biết con trâu là tài sản do P trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với những người này.

Trong vụ án trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có vào ngày 26/9/2022, Lý Minh C có hành vi sử dụng tài khoản ngân hàng mang tên của chị Hoàng Mùi V (vợ của C) tuy nhiên chị V không biết việc C chuyển tiền cho P là để mua chiếc xe mô tô do P trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với chị V.

Liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S của Nguyễn Văn P, P sử dụng chiếc điện thoại này để trao đổi, giao dịch việc mua bán con trâu là tài sản trộm cắp và đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng để nhận các khoản tiền liên quan đến hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là của bà Nguyễn Thị S, mẹ của P, cho P mượn để liên lạc. Việc P sử dụng điện thoại để thực hiện các hành vi phạm tội bà S không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với bà S.

[9]. Về án phí: Bị cáo P và C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo P phải chịu 2.513.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; bị cáo Lý Minh C phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Đối với Nguyễn Văn P: Áp dụng điểm b, c khoản 2, khoản 5 Điều 173 BLHS; khoản 1, khoản 5 Điều 174 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 Điều 47 Điều 55 BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Điều 468 của bộ luật Dân sự. Điều 106 Điều 136 và Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chính: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/10/2022.

Quyết định tạm giam bị cáo P 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Đối với Lý Minh C: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323 BLHS; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 BLHS; Điều 106 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Lý Minh C 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Minh C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P 20.000.000 đồng; Bị cáo Lý Minh C 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho anh Nguyễn Văn T3 số tiền là 21.500.000 đồng là tiền anh T3 đã mua con trâu do P trộm cắp; ông Đặng Văn C1 số tiền là 5.000.000 đồng là tiền ông C1 thuê người tìm trâu; chị Hoàng Thị T7 số tiền là 23.750.000 đồng là tiền P trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt của chị T7.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

5. Về vật chứng:

- Trả lại cho Nguyễn Văn P: 02 thẻ ngân hàng Viettinbank, 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng MB, tất cả đều mang tên Nguyễn Văn P (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu A).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S: 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thị S, địa chỉ: L, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Số:04251; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02S, màu đen được lắp 02 sim điện thoại trong máy (được niêm phong trong bì niêm phong ký hiệu P1).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu hồng; 01 tấm áo mưa màu trắng; 01 chiếc BKS: 20F1-562.34.

- Tịch thu xung quỹ: 01 máy mài cầm tay màu đỏ có dây điện màu vàng, phần đá mài đã bị vỡ (là công cụ phương tiện C sử dụng để mài số khung số máy chiếc xe mô tô C mua của P).

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu trắng, màu đen (của Lý Minh C).

- Truy thu bị cáo P số tiền 11.000.000 đồng là tiền P bán xe mô tô trộm cắp cho C nộp Ngân sách nhà nước.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-VKSĐT ngày 17/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ).

6. Về án phí: Buộc bị cáo P và C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và buộc bị cáo P phải chịu 2.513.000 đồng án phí dân sự nộp vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS Đại Từ (1b);
- Thi hành án hình sự (2b);
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ (1b);
- Thông báo cho UBND xã;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng